

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH NINH BÌNH**

Bản án số: 01/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 06 - 3 - 2020

V/v: *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi
ly hôn.*

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N - NINH BÌNH

- Thành phần HĐXX sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương Quỳnh.

Các Hội thẩm nhân dân :

1. Ông Lưu Danh Sử.
2. Ông Tạ Khắc Nghĩa.

Thư ký phiên tòa: Ông Hứa Công Nguyên - Thẩm tra viên tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 3 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 279/2019/TLST- HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2019 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 04/02/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2020/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Thôn C, xã Đ, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Ly, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Thôn C, xã Đ, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Các đương sự vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 03 tháng 12 năm 2019 và bản tự khai, nguyên đơn anh Nguyễn Văn C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị L kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện N, tỉnh Ninh Bình trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện vào ngày 17/10/2008. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị sinh sống với nhau tại thôn C, xã Đ, huyện N. Hai vợ chồng chỉ sống hạnh phúc được thời gian khoảng 2 năm đầu thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do lúc lấy nhau tìm hiểu chưa kỹ, trong cuộc sống vợ chồng không hòa hợp nảy sinh

nhiều bất đồng vì vậy dẫn đến vợ chồng hay cãi chửi nhau. Năm 2017 anh vào miền Nam làm ăn thì chị L cùng các con bỏ về bên bố mẹ đẻ cũng tại xã Đ ở, anh chị ly thân từ đó đến nay. Anh xác định mâu thuẫn giữa anh và chị L trầm trọng, không còn tình cảm vợ chồng nên anh xin ly hôn với chị L để ổn định cuộc sống riêng.

Về con chung: Anh xác định vợ chồng anh có 2 con chung là các cháu: Nguyễn Văn A, sinh ngày 07/04/2009; cháu Nguyễn Anh K, sinh ngày 30/11/2014. Hiện nay các cháu đang ở với chị L. Sau ly hôn anh đồng ý cho chị L được tiếp tục nuôi hai cháu và anh sẽ có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L mỗi tháng 2 triệu đồng/2 cháu.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của bị đơn chị Nguyễn Thị L được thể hiện tại bản tự khai ngày 10/12/2019: Chị L thừa nhận thời gian kết hôn và chung sống như anh Cảnh trình bày là đúng. Theo chị vợ chồng anh chị có mâu thuẫn, tuy nhiên nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do anh C nghiện ngập vì vậy thường đánh đập hành hạ chị. Tháng 6/2018 anh C chửi bới đánh đập và đuổi mẹ con chị ra khỏi nhà, vì vậy chị đã cùng hai con về nhà bố mẹ đẻ của chị ở từ đó đến nay. Trong thời gian đó anh C đi đâu làm gì chị không biết. Nay anh C xin ly hôn với chị thì chị không đồng ý, vì chị nghĩ đến con chứ chị cũng xác định không còn tình cảm với anh C.

Về con chung: Chị cũng xác định chị và anh C có 02 con chung là các cháu Nguyễn Văn A sinh ngày 07/04/2009; cháu Nguyễn Anh K, sinh ngày 30/11/2014. Hiện nay các cháu đang ở với chị. Cháu K hiện bị bệnh thần kinh. Nguyên vọng của chị xin tiếp tục nuôi cả hai cháu.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị không có ý kiến gì.

Ý kiến của cháu Nguyễn Văn A thể hiện tại bản tự khai ngày 16/01/2020: Nguyên vọng của cháu nếu bố mẹ cháu là anh C và chị L được giải quyết ly hôn thì cháu xin tiếp tục ở với chị L vì cháu cho rằng anh C thường xuyên đi làm ăn xa, cháu ở với mẹ từ nhỏ đã quen.

Ngày 03 tháng 12 năm 2019 Tòa án nhân dân huyện N đã thụ lý vụ án về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo đơn khởi kiện của anh Nguyễn Văn C. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án nhân dân huyện N đã tiến hành giải quyết vụ án theo đúng thủ tục pháp luật quy định.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị L, nhưng chị L không tham gia phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải.

Theo biên bản xác minh ngày 07/01/2020 của Tòa án nhân dân huyện Nvớĩ UBND xã Đ thì hiện nay chị L vẫn có hộ khẩu thường trú và sinh sống tại Thôn C, xã Đ. Ủy ban nhân dân xã Đ xác nhận mâu thuẫn giữa anh C và chị L là có thật, nguyên nhân do anh C chơi bời có thời gian nghiện ma túy, nguyên nhân nữa là do kinh tế khó khăn không thống nhất được cách làm ăn và do không hợp nhau.

Do quá trình giải quyết các bên đương sự không thống nhất được việc giải quyết toàn bộ các vấn đề của vụ án nên vụ án được đưa ra xét xử theo thủ tục chung.

Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình.

Ý kiến phát biểu của kiểm sát viên:

* Về thủ tục tố tụng:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện và chấp hành quyền và nghĩa vụ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành các quy định trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

* Về nội dung giải quyết vụ án:

Áp dụng các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 110, 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 357, 468 Bộ luật dân sự; Điều 5, 147, 227, 228, 266, 271 và khoản 1 điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Đề nghị tuyên:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị anh Nguyễn Văn C. Xử lý hôn giữa anh Nguyễn Văn C và chị Nguyễn Thị L.

2. *Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung*: Giao cháu Nguyễn Văn A, sinh ngày 07/4/2009 và cháu Nguyễn Anh K, sinh ngày 30/11/2014, hiện cả hai cháu đang ở với chị L cho chị L tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh C cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L 2.000.000 đồng/2 con chung/1 tháng cho đến khi cháu A và cháu K đủ 18 tuổi.

3. *Về án phí ly hôn*: Anh Nguyễn Văn C phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

Án phí cấp dưỡng: Anh Nguyễn Văn C phải chịu án phí cấp dưỡng 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là quan hệ pháp luật “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại Thôn C, xã Đ, huyện N, tỉnh Ninh Bình nên Tòa án nhân dân huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình thụ lý vụ án là phù hợp với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về nội dung: *Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa HĐXX nhận thấy:*

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân:

Quan hệ hôn nhân giữa anh C và chị L là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên hai bên chỉ chung sống hạnh phúc với nhau được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do hoàn cảnh kinh tế khó khăn, hai bên không hòa hợp, và nguyên nhân chính là do có thời gian anh C sa vào tệ nạn xã hội dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Thực tế các bên cũng thừa nhận đã ly thân từ năm 2018 cho đến nay, hiện chị L cùng hai con sinh sống cùng bố mẹ đẻ chị L tại Thôn C, xã Đ. Ý kiến của chị L cũng xác nhận muốn đoàn tụ vì con cái chứ bản thân chị cũng không còn tình cảm với anh C. Điều đó chứng tỏ quan hệ hôn nhân giữa hai bên chỉ còn tồn tại về mặt hình thức, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh C với chị L là có căn cứ, phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2]. Về con chung: Nguyên vọng của chị L xin được tiếp tục nuôi con chung là các cháu Nguyễn Văn A, sinh ngày 07/4/2009 và cháu Nguyễn Anh K sinh ngày 30/01/2014, hiện các cháu đang ở với chị. Anh C cũng đồng ý cho chị L tiếp tục nuôi hai cháu. Hội đồng xét xử thấy: chị L khỏe mạnh, có thu nhập, bên cạnh có bố mẹ chị L hỗ trợ việc nuôi dạy các cháu. Nguyên vọng của cháu A xin được ở với mẹ. Các bên thống nhất không có tranh chấp. Do vậy, để đảm bảo sự ổn định, lợi ích mọi mặt của các cháu nên giao cháu Nguyễn Văn A, sinh ngày 07/4/2009 và cháu Nguyễn Anh K sinh ngày 30/01/2014, hiện các cháu đang ở với chị L cho chị L tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là có căn cứ theo khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình.

[2.3]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị L không có yêu cầu, tuy nhiên anh C tự nguyện có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L đối với hai cháu là 2000.000 đồng/ tháng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Để đảm bảo quyền lợi cho các cháu, xét sự tự nguyện này phù hợp với pháp luật và đạo đức xã hội cần ghi nhận.

[2.4]. Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.5]. Về án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con chung: Anh C phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các điều 147, 227, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng các điều 56, 58, 81, 82, 83, 110, 116 Luật hôn nhân và gia đình.

- Áp dụng: Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự.

- Áp dụng Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu khởi kiện của anh Nguyễn Văn C. Xử lý hôn giữa anh Nguyễn Văn C và chị Nguyễn Thị L

2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung:

Giao cháu Nguyễn Văn A, sinh ngày 07/4/2009 và cháu Nguyễn Anh K sinh ngày 30/01/2014, hiện các cháu đang ở với chị L cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến các cháu đủ 18 tuổi hoặc khi có thay đổi khác.

Ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung của anh C là: Anh C tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L mỗi cháu là 1000.000 đồng/tháng kể từ tháng 3/2020 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc khi có thay đổi khác.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc và nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Kể từ ngày chị L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh C không thi hành hết số tiền cấp cấp dưỡng nuôi con theo thỏa thuận thì hàng tháng anh C còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Văn C phải nộp toàn bộ án phí ly hôn theo quy định của pháp luật là 300.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) và án phí cấp dưỡng nuôi con chung là 300.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng). Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) anh Nguyễn Văn C đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí ly hôn số AA/2018/0000378 ngày 03/12/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N. Anh C phải nộp tiếp 300.000 đồng.

4. Quyền kháng cáo: Anh C và chị L được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- UBND xã Đ
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hương Quỳnh